

Số: 489/2024/NQ-HĐND

Hưng Yên, ngày 28 tháng 10 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Quy định một số chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức cấp xã, người hoạt động không chuyên trách cấp xã, ở thôn, tổ dân phố và người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố, thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự dôi dư, nghỉ công tác do sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2023 -2025 và sáp nhập thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Hưng Yên

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

KHÓA XVII KỲ HỌP THỨ HAI MƯƠI HAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2030; Nghị quyết số 1248/NQ-UBTVQH15 ngày 24 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2023-2025;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 29/2023/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ quy định về tinh giản biên chế;

Xét Tờ trình số 85/TTr-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức cấp xã, người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã dôi dư, nghỉ công tác do sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã; người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố và người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố, thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự dôi dư, nghỉ công tác do sáp nhập thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; Báo cáo thẩm tra số 775/BC-BPC ngày 24 tháng 10 năm 2024 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận và kết quả biểu quyết của các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị quyết này quy định đối tượng, chính sách, thời gian hỗ trợ và kinh phí thực hiện hỗ trợ đối với cán bộ, công chức cấp xã, người hoạt động không

chuyên trách ở cấp xã dôi dư, nghỉ công tác do sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã theo Nghị quyết số 1248/NQ-UBTVQH15 ngày 24/10/2024 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội “về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2023-2025”; người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố và người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố; thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự dôi dư, nghỉ công tác do sáp nhập thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

2. Các trường hợp nghỉ hưu trước tuổi, nghỉ việc không quy định tại Nghị quyết này thực hiện chế độ theo quy định hiện hành của pháp luật có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cán bộ, công chức cấp xã dôi dư do sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã nghỉ công tác kể từ ngày Nghị quyết số 1248/NQ-UBTVQH15 có hiệu lực thi hành đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025.

2. Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã dôi dư do sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã nghỉ công tác kể từ ngày Nghị quyết số 1248/NQ-UBTVQH15 có hiệu lực thi hành đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025.

3. Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố dôi dư do sáp nhập thôn, tổ dân phố nghỉ công tác trong thời gian 12 tháng kể từ ngày Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về sáp nhập thôn, tổ dân phố có hiệu lực thi hành.

4. Người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố, thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự dôi dư do sáp nhập thôn, tổ dân phố nghỉ công tác trong thời gian 12 tháng kể từ ngày Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về sáp nhập thôn, tổ dân phố có hiệu lực thi hành.

Điều 3. Đối tượng không áp dụng

1. Cán bộ, công chức cấp xã, người hoạt động không chuyên trách cấp xã, ở thôn, tổ dân phố và người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố, thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự dôi dư do sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã và sáp nhập thôn, tổ dân phố nghỉ công tác sau thời gian quy định tại Điều 2 Nghị quyết này.

2. Cán bộ, công chức cấp xã tại thời điểm đề nghị hưởng chính sách còn dưới 12 tháng đến tuổi nghỉ hưu, cán bộ cấp xã nghỉ do không đủ tuổi tái cử theo quy định ở thời điểm sắp xếp đơn vị hành chính.

3. Các trường hợp cán bộ, công chức cấp xã đang bị xem xét kỷ luật; đang trong thời gian tạm giữ, tạm giam, điều tra; đang trong thời gian thi hành kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; chưa hoàn thành việc thanh toán các khoản tiền, tài sản thuộc trách nhiệm của cá nhân đối với cơ quan, đơn vị.

4. Cán bộ cấp xã, người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã nghỉ công tác do đã hết nhiệm kỳ công tác, hết thời hạn hợp đồng tại thời điểm sắp xếp đơn vị hành chính; người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố và người

trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố, thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự nghỉ công tác do hết nhiệm kỳ, hết thời hạn hợp đồng tại thời điểm Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về sáp nhập thôn, tổ dân phố có hiệu lực thi hành.

5. Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố và thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự nghỉ công tác ở một chức danh nhưng vẫn đang giữ hoặc được chuyển sang chức danh không chuyên trách khác.

Điều 4. Chính sách hỗ trợ

Ngoài các chế độ, chính sách thực hiện theo quy định hiện hành của Chính phủ, các đối tượng quy định tại Điều 2 Nghị quyết này còn được hưởng chính sách hỗ trợ của tỉnh như sau:

1. Cán bộ, công chức cấp xã quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này

a) Trường hợp nghỉ hưu trước tuổi theo chính sách tinh giản biên chế của Chính phủ: hỗ trợ bằng 1,0 lần mức lương cơ sở/ tháng nghỉ hưu trước tuổi và tối đa không quá 100.000.000 đồng/người.

b) Trường hợp thôi việc theo chính sách tinh giản biên chế của Chính phủ: hỗ trợ 500.000 đồng/tháng làm việc có đóng bảo hiểm xã hội (kể cả thời gian làm việc ở tỉnh ngoài hoặc ở ngành, lĩnh vực khác, trước thời gian làm việc hiện tại ở tỉnh Hưng Yên) và tối đa không quá 60.000.000 đồng/người.

c) Trường hợp thôi việc theo nguyện vọng (không theo chính sách tinh giản biên chế): hỗ trợ 500.000 đồng/tháng làm việc có đóng bảo hiểm xã hội (kể cả thời gian làm việc ở tỉnh ngoài hoặc ở ngành, lĩnh vực khác, trước thời gian làm việc hiện tại ở tỉnh Hưng Yên) và tối đa không quá 150.000.000 đồng/người.

d) Trường hợp Chủ tịch Hội Cựu chiến binh cấp xã đã được hưởng chế độ hưu trí, mất sức khi nghỉ công tác do sắp xếp đơn vị hành chính được hưởng chế độ hỗ trợ tính theo thời gian còn lại của nhiệm kỳ công tác như sau:

Còn từ đủ 4 năm đến dưới 5 năm: hỗ trợ 50.000.000 đồng/người.

Còn từ đủ 3 năm đến dưới 4 năm: hỗ trợ 40.000.000 đồng/người.

Còn từ đủ 2 năm đến dưới 3 năm: hỗ trợ 30.000.000 đồng/người.

Còn từ đủ 1 năm đến dưới 2 năm: hỗ trợ 20.000.000 đồng/người.

2. Người hoạt động không chuyên trách cấp xã; người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 2 Nghị quyết này khi nghỉ công tác do sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã hoặc sáp nhập thôn, tổ dân phố được hưởng chế độ hỗ trợ như sau:

a) Hỗ trợ theo thời gian giữ chức danh người hoạt động không chuyên trách cấp xã; người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố trước khi nghỉ công tác:

Từ đủ 01 năm đến dưới 05 năm: hỗ trợ 10.000.000 đồng/người.

Từ đủ 05 năm đến dưới 10 năm: hỗ trợ 20.000.000 đồng/người.

Từ đủ 10 năm trở lên: hỗ trợ 30.000.000 đồng/người.

b) Hỗ trợ theo thời gian còn lại của nhiệm kỳ công tác kể từ khi nghỉ việc:

Từ đủ 4 năm đến dưới 5 năm: hỗ trợ 20.000.000 đồng/người.

Từ đủ 3 năm đến dưới 4 năm: hỗ trợ 15.000.000 đồng/người.

Từ đủ 2 năm đến dưới 3 năm: hỗ trợ 10.000.000 đồng/người.

Từ đủ 1 năm đến dưới 2 năm: hỗ trợ 5.000.000 đồng/người.

3. Người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố; thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự quy định tại khoản 4 Điều 2 Nghị quyết này khi nghỉ công tác do sáp nhập thôn, tổ dân phố được hưởng chế độ hỗ trợ như sau:

a) Hỗ trợ theo thời gian giữ chức danh người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố; thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự trước khi nghỉ công tác:

Từ đủ 01 năm đến dưới 05 năm: hỗ trợ 10.000.000 đồng/người.

Từ đủ 05 năm đến dưới 10 năm: hỗ trợ 15.000.000 đồng/người.

Từ đủ 10 năm trở lên: hỗ trợ 20.000.000 đồng/người.

b) Hỗ trợ theo thời gian còn lại của nhiệm kỳ công tác kể từ khi nghỉ việc:

Từ đủ 2 năm đến dưới 3 năm: hỗ trợ 10.000.000 đồng/người.

Từ đủ 1 năm đến dưới 2 năm: hỗ trợ 5.000.000 đồng/người.

4. Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố và thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này và không giữ chức danh bầu cử thì thời gian công tác còn lại được tính đến ngày 31 tháng 12 của năm nghỉ công tác và hưởng chế độ như sau:

a) Đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã:

Từ đủ 3 tháng đến dưới 6 tháng: hỗ trợ 5.000.000 đồng/người.

Từ đủ 6 tháng trở lên: hỗ trợ 10.000.000 đồng/người.

b) Đối với người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố và thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự:

Từ đủ 3 tháng đến dưới 6 tháng: hỗ trợ 3.000.000 đồng/người.

Từ đủ 6 tháng trở lên: hỗ trợ 5.000.000 đồng/người.

Điều 5. Thời gian thực hiện chính sách hỗ trợ

1. Đối với cán bộ, công chức cấp xã: thực hiện chính sách hỗ trợ kể từ ngày Nghị quyết số 1248/NQ-UBTVQH15 có hiệu lực thi hành đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025.

2. Đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã: thực hiện chính sách hỗ trợ kể từ ngày Nghị quyết số 1248/NQ-UBTVQH15 có hiệu lực thi hành đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025.

3. Đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố; người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố và thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự: thực hiện chính sách hỗ trợ kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành và trong quá trình sáp nhập thôn, tổ dân phố.

Điều 6. Kinh phí thực hiện

Kinh phí đảm bảo thực hiện chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết này được bố trí từ ngân sách nhà nước theo phân cấp quản lý.

Điều 7. Thu hồi số tiền đã hỗ trợ

1. Cán bộ, công chức cấp xã đã được hỗ trợ theo Nghị quyết này, trong thời gian 36 tháng kể từ ngày nhận hỗ trợ, nếu được bầu cử, tuyển dụng vào làm cán bộ, công chức, viên chức trong khối biên chế thuộc Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý thì phải hoàn trả lại số tiền đã nhận trong vòng 06 tháng kể từ ngày được bầu cử, tuyển dụng.

2. Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, thôn, tổ dân phố, người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố, thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự đã được hỗ trợ theo Nghị quyết này, trong thời gian 36 tháng kể từ ngày nhận hỗ trợ, nếu được bầu cử, xét tuyển vào các chức danh không chuyên trách ở cấp xã, thôn, tổ dân phố, người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố khác trong cùng một địa bàn cấp xã thì phải hoàn trả lại số tiền đã nhận trong vòng 06 tháng kể từ ngày được bầu cử, xét tuyển.

3. Cơ quan, đơn vị sử dụng cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; cơ quan quản lý người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố, người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố sau khi được bầu cử, tuyển dụng, xét tuyển lại, có trách nhiệm thu hồi toàn bộ số tiền đã hỗ trợ, nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định.

Điều 8. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên khóa XVII, Kỳ họp thứ Hai mươi hai nhất trí thông qua ngày 28 tháng 10 năm 2024; có hiệu lực từ ngày 08 tháng 11 năm 2024 và bãi bỏ khoản 1 Điều 7 Nghị quyết số 439/2023/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh

quy định chức danh, số lượng và một số chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; mức khoán kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Hưng Yên. *Đ.T.H*

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu thuộc UBTWQH;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Nội vụ (Vụ Pháp chế); Tài chính (Vụ Pháp chế); Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (Vụ Pháp chế); Tư pháp (Cục Kiểm tra Văn bản quy phạm pháp luật);
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các vị đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN huyện, thị xã, thành phố;
- Sở Tư pháp (CSDLQG về pháp luật);
- Cổng thông tin điện tử UBND tỉnh Hưng Yên;
- Trung tâm Thông tin - Hội nghị tỉnh;
- Lưu: VT, CV^{PT}.

CHỦ TỊCH



Trần Quốc Toản